

# HOÀN THIỆN NỘI HÀM VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI CỦA TOÀN CẦU HOÁ VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Vũ Thành Hường\*

Ngày nhận: 8/04/2015

Ngày nhận bản sửa: 16/04/2015

Ngày duyệt đăng: 25/04/2015

## Tóm tắt:

*Phát triển bền vững là một xu hướng mang tính toàn cầu nhưng lại luôn đòi hỏi hoàn thiện cả về lý luận, sự hiểu biết cũng như vận hành thực tiễn. Sau nhiều lần hoàn thiện nội hàm và tiêu chí phát triển bền vững, Thủ tướng Chính phủ (2012) phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011– 2020 với hệ thống 30 tiêu chí phát triển bền vững. Trên cơ sở đánh giá hiện trạng nội hàm và tiêu chí phát triển bền vững của Liên hiệp quốc và Việt Nam hiện nay, bài viết đề xuất hoàn thiện quan niệm về phát triển bền vững của Việt Nam với nội hàm dựa trên trụ cột là: Tăng trưởng kinh tế bền vững; Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy tiến bộ xã hội và Tăng trưởng kinh tế gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu cũng như 21 tiêu chí phát triển bền vững.*

**Từ khóa:** Phát triển bền vững, tiêu chí phát triển, nội hàm phát triển bền vững.

## Completing the connotation and criteria for sustainable development in Vietnam in the new context of globalization and climate change

### Abstract

*Sustainable development (SD) is a global trend, which always requires to be completed, both theoretically and practically. After upgrading connotation and criteria of SD for several times, the Prime Minister (2012) approved Vietnam's SD Strategy for the period 2011-2020 with the system of 30 SD criteria. Based on the assessment of the current connotation and criteria of SD of The United Nations and of Vietnam, the article proposes the concept of SD of Vietnam of which the connotation includes the following pillars: SD growth, Economic growth promoting social progress, and economic growth associated with the effective use of resources, environmental protection and adaptation to climate change, and 21 criteria of SD.*

*Keywords: Sustainable development, connotation, criteria of sustainable development*

## 1. Đặt vấn đề

Từ thập niên 1970, trước tình trạng các nước chạy theo mục tiêu tăng trưởng nhanh đã đặt loài người trước những cảnh báo lớn về khủng hoảng năng lượng, thoái hóa đất, ô nhiễm môi trường... Liên Hiệp Quốc đã thành lập Chương trình môi trường của Liên Hiệp Quốc và lần đầu tiên đặt vấn đề phát triển bền vững với nội hàm là tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với bảo vệ và chống ô nhiễm

môi trường. Tiếp theo đó, thực tế phát triển kinh tế của các nước trên thế giới, trong đó việc chạy theo mục tiêu tăng trưởng nhanh đã không chỉ vi phạm các nguyên tắc về môi trường mà còn vi phạm nhiều nguyên tắc về xã hội: nạn nghèo đói, thất học, bệnh tật, phân hóa giàu nghèo trở nên ngày càng phổ biến. Trước thực trạng đó, Chương trình nghị sự 21 thế giới (Agenda 21) của Liên Hiệp Quốc, đã xác định 3 trụ cột của phát triển bền vững là kinh tế, xã

hội và môi trường. Những năm cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, trước những yếu tố bất ổn về chính trị của nhiều nước trên thế giới nảy sinh, gây ảnh hưởng đến sự phát triển. Vì thế, có nhiều ý kiến tranh luận nên hay không đưa yếu tố thể chế trở thành một cực trong nội hàm phát triển bền vững.

Ở Việt Nam, kể từ khi “nhập cuộc” phát triển bền vững năm 1990 với “Kế hoạch quốc gia về môi trường với phát triển bền vững giai đoạn 1991-2000”, “Định hướng chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam - Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam” (năm 2004) cùng với nhiều văn kiện quan trọng liên quan đến phát triển bền vững, dưới sự điều hành trực tiếp của Hội đồng phát triển bền vững Quốc gia và các địa phương, Định hướng phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (năm 2012), Việt Nam đã đạt được một số thành tựu trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, chúng ta còn nhiều bất cập xung quanh các vấn đề này, trong đó vấn đề nổi cộm nhất là quan niệm phát triển bền vững chưa được hiểu một cách nhất quán, toàn diện và sâu sắc.

Hầu hết các nghiên cứu về nội hàm và tiêu chí phát triển bền vững của Việt Nam đều dựa trên các nghiên cứu, báo cáo quốc tế mà chưa xem xét đến những bối cảnh thực tế cả hiện tại và tương lai, nhất là các vấn đề về toàn cầu hoá và biến đổi khí hậu (biến đổi khí hậu). Các ví dụ có thể kể đến là Nguyễn Quang Thái và Ngô Thắng Lợi (2007), Bùi Tất Thắng (2011), và Nguyễn Hoàng Oanh (2012).

Điều đó đòi hỏi cần phải nghiên cứu, phát hiện, cập nhật và hoàn thiện nội hàm và tiêu chí của phát triển bền vững, làm cơ sở cho xây dựng và thực thi các chiến lược phát triển. Thực hiện nghiên cứu này, bài viết sử dụng các phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh và dự báo các vấn đề mới để đề xuất quan điểm và đưa ra những vấn đề mới về nội hàm và tiêu chí phát triển bền vững.

## **2. Quan niệm về nội hàm và tiêu chí đánh giá phát triển bền vững**

### **2.1. Nội hàm phát triển bền vững**

#### **2.1.1. Quan điểm của Liên hiệp quốc**

Tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững nhóm họp tại Johannesburg (Nam Phi, 2002), nội hàm của phát triển bền vững đã được Liên hiệp quốc khẳng định “phát triển bền vững là quá trình có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa

giữa ba mặt của sự phát triển, đó là: phát triển kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”. Theo quan điểm này thì nội hàm của phát triển bền vững tập trung vào ba nội dung (ba trụ cột) là:

- Điều kiện con người mong muốn: duy trì một xã hội đáp ứng các nhu cầu chung của con người, biểu hiện cụ thể của trụ cột này là bảo đảm tăng trưởng kinh tế đạt được lâu dài, ổn định và có hiệu quả.

- Tính bình đẳng: sự chia sẻ công bằng các lợi ích và gánh nặng giữa thế hệ hiện tại và thế hệ tương lai và trong bản thân thế hệ hiện tại. Nội dung cụ thể của trụ cột hai thể hiện ở các mục tiêu: tôn trọng và quan tâm đến cuộc sống cộng đồng; nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm thực hiện sự tiến bộ xã hội cho con người.

- Điều kiện hệ sinh thái bền vững: hệ sinh thái duy trì khả năng hỗ trợ sự sống của con người và bản thân hệ sinh thái. Nội dung của trụ cột thứ 3 thể hiện ở: bảo tồn sự sống và đa dạng hóa sinh học của trái đất; hạn chế đến mức thấp nhất sự suy giảm của nguồn tài nguyên không tái tạo được; giữ vững khả năng chịu đựng của trái đất.

#### **2.1.2. Quan điểm của Việt Nam**

Nhập cuộc sau thế giới gần 20 năm, đến năm 2004 Việt Nam đã xây dựng được chương trình nghị sự 21 của Việt Nam (Agenda-21). Gần đây nhất, năm 2012, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam đến 2020. Tài liệu này cũng thể hiện rõ quan điểm của Việt Nam về nội hàm của ba trụ cột phát triển bền vững, đó là:

- *Về kinh tế*: Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các cân đối lớn; giữ vững an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh tài chính. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu; từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế các bon thấp. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả mọi nguồn lực.

- *Về xã hội*: Xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, đồng thuận, công bằng, văn minh; nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, tinh thần, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trở thành động lực phát triển quan trọng. Giữ vững ổn định chính trị- xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và

toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

- Về môi trường: Giảm thiểu các tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế đến môi trường. Khai thác hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên không tái tạo. Phòng ngừa, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Hạn chế tác hại của thiên tai, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.

2.1.3. Từ các quan niệm về nội hàm phát triển

bền vững ở trên có thể nhận xét:

(1) Theo quan niệm của Việt Nam và thế giới, một nền kinh tế được coi là có sự phát triển bền vững khi nó được quan tâm đến cả 3 khía cạnh của phát triển là kinh tế, xã hội và môi trường và xem như đó là ba trụ cột của phát triển bền vững.

(2) Khi mô tả nội hàm của ba trụ cột phát triển bền vững, quan niệm của thế giới và Việt Nam hiện nay vẫn đều đặt ra các nội dung bền vững ba trụ cột này một cách độc lập (tức là bền vững về kinh tế là như thế nào, bền vững xã hội và môi trường là như thế nào), chưa nhấn mạnh đến sự ràng buộc của các

**Bảng 1. Các tiêu chí phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc trong Chương trình nghị sự 21**

Về xã hội (19 tiêu chí)	Về môi trường (19 tiêu chí)	Về kinh tế (14 tiêu chí)	Về thể chế (6 tiêu chí)
1. Phần trăm dân số sống dưới ngưỡng nghèo	20. Phát thải khí nhà kính	39. GDP bình quân đầu người	53. Chiến lược phát triển bền vững quốc gia
2. Chỉ số Gini	21. Mức độ tiêu thụ các chất gây hại tầng ozon	40. Tỷ lệ đầu tư trong GDP	54. Thực thi các ước quốc tế đã ký
3. Tỷ lệ thất nghiệp	22. Nồng độ các chất gây ô nhiễm không khí đô thị	41. Cán cân thương mại hàng hoá và dịch vụ	55. Số lượng người truy cập Internet/1000 dân
4. Tỷ lệ lương trung bình của nữ so với nam giới	23. Đất canh tác và diện tích cây lâu năm	42. Tỷ lệ nợ trong GNI	56. Đường điện thoại chính/1000 dân
5. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ em	24. Sử dụng phân hoá học	43. Tổng viện trợ ODA hoặc nhận viện trợ ODA so với GNI	57. Đầu tư cho nghiên cứu và phát triển tính theo % của GDP
6. Tỷ lệ tử vong trẻ dưới 5 tuổi	25. Sử dụng thuốc trừ sâu	44. Mức độ sử dụng nguyên vật liệu;	58. Thiệt hại về người và của do các thảm hoạ thiên nhiên.
7. Tuổi thọ	26. Tỷ lệ che phủ rừng	45. Tiêu thụ năng lượng bình quân đầu người hàng năm;	
8. Phần trăm dân số có thiết bị vệ sinh phù hợp	27. Cường độ khai thác gỗ;	46. Tỷ lệ tiêu dùng nguồn năng lượng có thể tái sinh;	
9. Phần trăm dân số được sử dụng nước sạch	28. Đất bị sa mạc hoá;	47. Mức độ sử dụng năng lượng;	
10. Phần trăm dân số tiếp cận được các dịch vụ y tế cơ bản;	29. Diện tích thành thị chính thức và không chính thức	48. Chất thải rắn công nghiệp và đô thị	
11. Tiêm chủng phòng ngừa các bệnh lây nhiễm cho trẻ em	30. Mật độ tảo trong biển	49. Chất thải độc hại	
12. Tỷ lệ phổ biến về phòng tránh thai;	31. Phần trăm dân số sống ở duyên hải	50. Chất thải phóng xạ	
13. Phổ cập tiểu học với trẻ em	32. Sản lượng đánh bắt hàng năm	51. Chất thải tái sinh	
14. Tỷ lệ người trưởng thành học hết cấp 2	33. Mức khai thác nguồn nước ngầm và nước mặt /tổng trữ lượng nước	52. Khoảng cách đi lại tính trên đầu người theo phương tiện vận tải.	
15. Tỷ lệ biết chữ của người trưởng thành	34. Hàm lượng BOD trong nước		
16. Diện tích nhà ở bình quân đầu người	35. Nồng độ coliform trong nước sạch		
17. Số tội phạm /100.000 dân	36. Diện tích hệ sinh thái chủ yếu được lựa chọn		
18. Tốc độ tăng dân số	37. Diện tích khu bảo tồn so với tổng diện tích		
19. Dân số thành thị chính thức và cư trú không chính thức.	38. Đa dạng của giống loài được lựa chọn.		

Nguồn: United Nations, 1992.

trụ cột này với nhau.

(3) Các quan niệm về nội hàm phát triển bền vững đều dùng từ “hợp lý” để phản ánh mức độ kết hợp của 3 yếu tố nhưng chưa đề cập đến việc phân định trong ba trụ cột này trụ cột nào đóng vai trò là điều kiện cần và trụ cột nào đóng vai trò là mục tiêu cuối cùng. Vì thế, chưa thể hình dung được trong quá trình thực hiện kết hợp, trụ cột nào đóng vai trò là cơ sở để xem xét các trụ cột khác và đánh giá sự bền vững.

## 2.2. Tiêu chí đánh giá phát triển bền vững

### 2.2.1. Tiêu chí của Liên Hiệp Quốc

Đến nay trên thế giới hoặc từng quốc gia đã có nhiều hệ thống tiêu chí, chỉ số được đề xuất phản ánh và đánh giá phát triển bền vững. Bộ chỉ số phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc xác định theo các chủ đề trên 4 lĩnh vực, dựa trên những nội dung của chương trình nghị sự 21, hình thành nên 58 chỉ tiêu cụ thể như tổng hợp tại bảng 1.

### 2.2.2. Việt Nam

Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai

đoạn 2011– 2020, được Thủ tướng Chính phủ (2012) thông qua với mục tiêu: Tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị- xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Theo đó bộ tiêu chí đi kèm được xác định bao gồm 30 chỉ tiêu, trong đó có 3 chỉ tiêu tổng hợp, 10 chỉ tiêu kinh tế, 10 chỉ tiêu về xã hội và 7 chỉ tiêu về môi trường, cụ thể:

### 2.2.3. Nhận định từ các bộ chỉ tiêu phát triển bền vững

(1) Các tiêu chí của thế giới và của Việt Nam hiện nay đều đi vào phản ánh các khía cạnh khác nhau (khả toàn diện) về việc bảo đảm tính bền vững đối với ba trụ cột riêng biệt. Điều này hoàn toàn hợp lý khi nội hàm của phát triển bền vững được đặt ra là bền vững riêng biệt đối với từng trụ cột. Như vậy chưa phản ánh được bức tranh về phát triển bền vững khi đứng trên góc độ xem xét phát triển bền vững là sự gắn kết, kết hợp một cách hợp lý 3 trụ cột của phát triển. Bộ tiêu chí phát triển bền vững của

**Bảng 2. Các tiêu chí phát triển bền vững của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020**

Tổng hợp	Về kinh tế	Về xã hội	Về môi trường
1. GDP xanh	4. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)	14. Tỷ lệ nghèo	24. Tỷ lệ che phủ rừng;
2. Chỉ số phát triển con người (HDI)	5. Năng suất lao động xã hội	15. Tỷ lệ thất nghiệp	25. Tỷ lệ đất được bảo vệ, duy trì đa dạng sinh học
3. Chỉ số bền vững môi trường (ESI).	6. Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung	16. Tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo	26. Diện tích đất bị thoái hóa
	7. Mức giảm tiêu hao năng lượng để sản xuất ra một đơn vị GDP	17. Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (Gini)	27. Mức giảm lượng nước ngầm, nước mặt;
	8. Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu sử dụng năng lượng	18. Tỷ số giới tính khi sinh	28. Tỷ lệ ngày có nồng độ các chất độc hại trong không khí vượt quá tiêu chuẩn cho phép
	9. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	19. Số sinh viên trên 10.000 dân.	29. Tỷ lệ các đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
	10. Cán cân vãng lai	20. Số thuê bao Internet trên 100 dân	30. Tỷ lệ chất thải rắn thu gom, đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
	11. Bội chi Ngân sách nhà nước	21. Tỷ lệ người dân được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	
	12. Nợ của Chính phủ	22. Số người chết do tai nạn giao thông trên 100.000 dân	
	13. Nợ nước ngoài.	23. Tỷ lệ số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới.	

Nguồn: Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020, năm 2012.



Việt Nam đưa ra 3 tiêu chí tổng hợp nhưng hiện nay các chỉ số 1 và 3 chưa thể tính toán được.

(2) Bộ tiêu chí của thế giới và của Việt Nam hiện nay gồm nhiều chỉ tiêu khá chi tiết, phản ánh từng khía cạnh rất hẹp của kinh tế, xã hội và môi trường nhưng các chỉ tiêu đưa ra đều không có giá trị đi kèm để cho thấy mức độ giá trị đạt được trong khoảng như thế nào được gọi là bền vững, vì thế chưa thể sử dụng để đánh giá phát triển bền vững được. Thực chất bộ tiêu chí này chỉ có thể gọi là “chỉ số” và chỉ sử dụng với góc độ là chỉ số cơ sở cho việc theo dõi quá trình phát triển kinh tế- xã hội.

### **3. Quan điểm hoàn thiện nội hàm và tiêu chí đánh giá phát triển bền vững của Việt Nam**

#### **3.1. Nội hàm phát triển bền vững nền kinh tế**

- Sử dụng từ “trụ cột” để phản ánh nội dung của phát triển bền vững, tuy nhiên không nên đồng nhất ba trụ cột của phát triển bền vững với ba khía cạnh phản ánh thành quả của phát triển nền kinh tế là: kinh tế - xã hội - môi trường và đặt ba trụ cột này một cách riêng rẽ độc lập.

- Theo lý thuyết về phát triển, yếu tố kinh tế là điều kiện cần cho sự phát triển xã hội (điều kiện cần để bảo đảm cho tiến bộ xã hội cho con người) nhưng lại chịu sự ràng buộc của các điều kiện về môi trường (vì nó hoạt động trong hệ môi trường cụ thể). Như vậy, nền kinh tế muốn phát triển thì trước hết là phải có sự tăng trưởng kinh tế và phải có sự bền vững về khía cạnh kinh tế.

#### **3.2. Bộ tiêu chí đánh giá phát triển bền vững**

Đi đôi với ba trụ cột phát triển bền vững nói trên, quan điểm hoàn thiện bộ tiêu chí phát triển bền vững là:

- Cần phân biệt bộ tiêu chí phản ánh phát triển bền vững với bộ tiêu chí sử dụng để phục vụ theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện phát triển bền vững. Theo Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020, bộ chỉ số đưa ra (bao gồm 30 chỉ số) là bộ chỉ số sử dụng cho theo dõi đánh giá thực hiện chiến lược phát triển bền vững.

- Bộ tiêu chí phản ánh phát triển bền vững cần phải được xác định giá trị đạt được (gọi là chỉ tiêu mục tiêu cho phát triển bền vững). Việc đưa ra khung giá trị của tiêu chí giúp đánh giá được thực trạng từng nội dung phát triển bền vững và có cơ sở để kết luận về mức độ đạt được, từ đó giúp xây dựng mục tiêu trong tương lai.

### **3.3. Ảnh hưởng của yếu tố toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu đến phát triển bền vững**

- Quan niệm và nội hàm của phát triển bền vững Việt Nam ngoài việc quán triệt được ba trụ cột còn cần phải hoàn thiện thêm với góc độ là điều kiện ràng buộc của các trụ cột, chính là yếu tố toàn cầu, bao gồm 2 nội dung là hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Mô hình phát triển bền vững của Việt Nam phải được xây dựng một cách hợp lý trên nền của cả yếu tố nội tại và yếu tố toàn cầu, được tập trung lại thành 3 dấu hiệu quan trọng: tiềm năng- cơ hội – sức ép. Yếu tố nội tại đặt ra việc phát triển của Việt Nam phải được xây dựng trên nền của việc tận dụng triệt để tiềm năng thế mạnh của đất nước. Yếu tố toàn cầu đặt ra việc phát triển của Việt Nam phải được tính toán trên cơ sở vượt qua sức ép và tận dụng triệt để cơ hội từ bên ngoài.

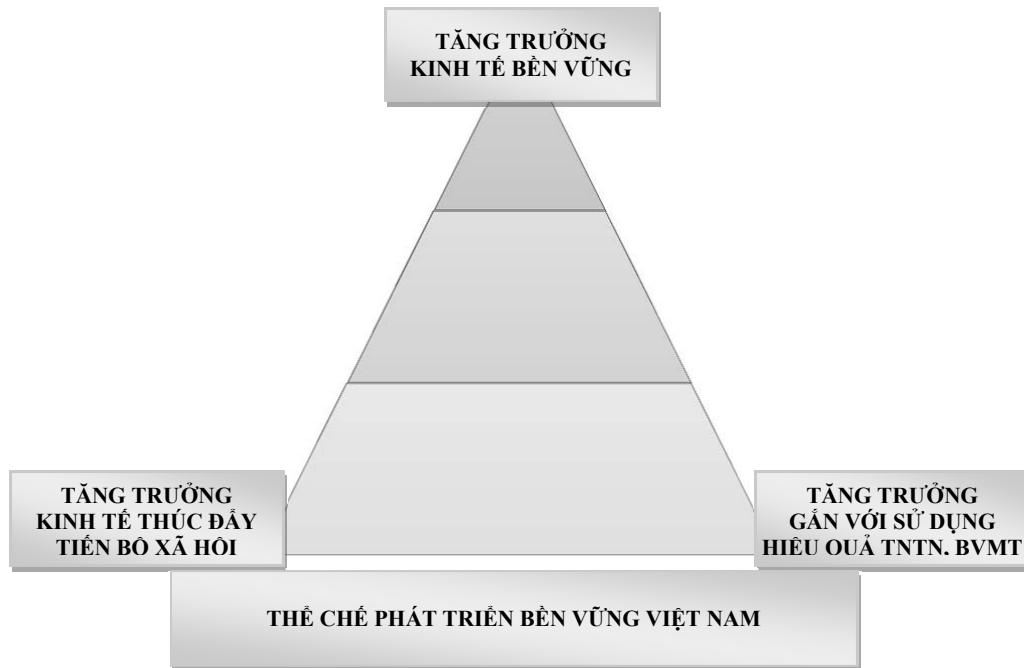
### **4. Quan niệm, nội hàm và tiêu chí phát triển bền vững ở Việt Nam**

#### **4.1. Quan niệm về phát triển bền vững ở Việt Nam**

Phát triển bền vững của Việt Nam cần được hiểu là *Sự phát triển dựa trên kết hợp giữa nội lực của Việt Nam với sức mạnh của HNQT, nhằm tạo ra và duy trì được trước hết là sự bền vững trong tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, những thành quả đạt được của tăng trưởng kinh tế có sự lan tỏa tích cực đến các khía cạnh khác là xã hội và môi trường, hướng tới mục tiêu phát triển vì con người.*

Từ quan niệm trên, cần nhấn mạnh một số vấn đề: (i) nói đến phát triển bền vững là phải nói đến bền vững trên các khía cạnh: kinh tế, xã hội, môi trường chứ không chỉ nói về vấn đề môi trường; (ii) các trụ cột phát triển bền vững không thể đề cập một cách độc lập riêng rẽ bền vững từng vấn đề, mà phải là: Tăng trưởng kinh tế bền vững (trụ cột 1) – Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy tiến bộ xã hội (trụ cột 2) – Tăng trưởng kinh tế gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (trụ cột 3); (iii) Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết cho phát triển bền vững, không thể có bền vững trong phát triển của một quốc gia hay một địa phương khi kinh tế nằm trong tình trạng trì trệ hay tăng trưởng nóng, kém hiệu quả; (iv) Thể chế phát triển không nằm trong nội hàm về phát triển bền vững mà nó là bệ đỡ cho phát triển bền

**Hình 1. Nội hàm của phát triển bền vững**



*Nguồn: Minh họa của tác giả*

vững, có vai trò hình thành, duy trì các thành quả của phát triển bền vững. Hình 1 mô tả nội hàm phát triển bền vững Việt Nam, được cụ thể hóa theo các tiêu chí dưới đây.

#### **4.2. Nội hàm và tiêu chí đánh giá phát triển bền vững**

##### **4.2.1. Tăng trưởng kinh tế bền vững**

- *Nội hàm tăng trưởng kinh tế bền vững*: Trong điều kiện hiện nay của Việt Nam và nhiều năm tới (đến 2030), tác giả cho rằng *tăng trưởng kinh tế bền vững là khả năng duy trì được tốc độ tăng trưởng nhanh và hiệu quả trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu ngành hợp lý trong điều kiện các cân đối vĩ mô luôn được kiểm soát ở ngưỡng an toàn*. Do đó, nội hàm của tăng trưởng kinh tế bền vững gồm:

+ Duy trì trong khoảng thời gian dài một tốc độ tăng trưởng nhanh và hiệu quả. Nội dung này thể hiện yêu cầu của tăng trưởng được đặt ra cả về mặt số và chất lượng.

+ Tăng trưởng kinh tế được thực hiện trong điều kiện cơ cấu ngành kinh tế luôn chuyển theo hướng tiến bộ, xuất phát từ việc khai thác triệt để các thế mạnh của đất nước.

+ Tăng trưởng kinh tế được kiểm soát trong khuôn khổ ngưỡng an toàn của các cân đối vĩ mô trong điều kiện toàn cầu hóa, nhấn mạnh các giới hạn an toàn về thâm hụt ngân sách, cán cân thương

mại và nợ nước ngoài.

- *Các tiêu chí đánh giá*

+ Tiêu chí phản ánh mặt lượng của tăng trưởng kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GDP và giá trị GDP/người. Trong điều kiện phải đảm nhận nhiệm vụ quan trọng tạo tiềm lực kinh tế cho thực hiện phát triển bền vững các trụ cột khác, yêu cầu đặt ra về tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đến 2030 phải đạt con số trên 6% và GDP/người phải đạt 5000-6000\$.

+ Tiêu chí phản ánh cấu trúc tăng trưởng theo đầu vào, trong đó sự đóng góp của TFP có xu hướng tăng dần.

+ Hiệu quả tăng trưởng, tập trung vào 3 tiêu chí: (i) So sánh tăng trưởng GO và tăng trưởng GDP với dấu hiệu đánh giá là 2 tốc độ này phải hướng tới trùng nhau để tạo điều kiện cho tốc độ tăng GDP dần nhanh hơn tăng GO; (ii) Suất đầu tư tăng trưởng (ICOR); (iii) Năng suất lao động: Để bảo đảm duy trì tăng trưởng GDP nhanh và lâu dài thì tăng trưởng năng suất lao động phải duy trì ở mức 5%/năm.

- Tiêu chí phản ánh ngưỡng an toàn đối với các cân đối vĩ mô: (i) Cân đối ngân sách; (ii) Cán cân thương mại quốc tế; và (iii) Nợ nước ngoài.

##### **4.2.2. Nội hàm và tiêu chí đánh giá tăng trưởng kinh tế thúc đẩy tiến bộ xã hội**

- *Nội hàm*. Theo cách đặt vấn đề ở trên thì trụ cột

thứ hai của phát triển bền vững là sự gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, thể hiện ở 3 điểm:

+ Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy phát triển con người, thể hiện: (i) tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với nâng cao năng lực cho chính bản thân con người (tài lực, trí lực và thể lực); (ii) Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tạo cơ hội mở rộng sự tham gia của con người đối với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy xóa đói giảm nghèo: Đây là khía cạnh thể hiện mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với xóa đói giảm nghèo. Tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người có tác động tích cực đến tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo.

+ Tăng trưởng kinh tế không gây gia tăng bất công bằng xã hội: nội hàm phân tích khía cạnh này là các tiêu chí phản ánh bất công bằng xã hội biến đổi theo xu hướng nào cả về chiều rộng đến chiều sâu.

- *Các tiêu chí đánh giá.* Tương ứng với các yếu tố cấu thành nội hàm của bền vững trụ cột hai, nhóm nghiên cứu xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể như sau:

+ Hệ số tăng trưởng vì con người: phản ánh qua hệ số co giãn của HDI (chỉ số phát triển con người) theo tăng trưởng GDP. Yêu cầu đặt ra đối với phát triển bền vững là hệ số này phải luôn nhận giá trị dương và tăng lên theo thời gian.

+ Hệ số tăng trưởng vì giảm nghèo: thể hiện bằng phần trăm thay đổi tỷ lệ nghèo khi có 1% tăng trưởng thu nhập đầu người. Theo đó, nếu hệ số nhận giá trị là âm cho thấy tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ nghèo là ngược chiều nhau, trường hợp này tăng trưởng kinh tế có lan tỏa tốt cho giảm nghèo.

+ Các tiêu chí phản ánh bất công bằng trong phân phối thu nhập: (i) Hệ số GINI - phản ánh kết quả tăng trưởng được phân bổ như thế nào đối với các nhóm dân cư trong xã hội. (ii) Hệ số giãn cách thu nhập- phản ánh độ sâu của bất công bằng trong phân phối kết quả của tăng trưởng kinh tế, được tính bằng tỷ lệ giữa thu nhập bình quân của nhóm 20% hộ gia đình giàu nhất với thu nhập bình quân của nhóm 20% hộ gia đình nghèo nhất. (iii) Tiêu chuẩn “40” (WB) - đo lường Phần trăm thu nhập của 40% dân số nghèo nhất chiếm trong tổng thu nhập của xã hội.

4.2.3. *Nội hàm và tiêu chí đánh giá tăng trưởng*

*kinh tế gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*

- *Nội hàm:* Theo tác giả, trụ cột thứ ba của tam giác phát triển bền vững được thể hiện ở 3 khía cạnh chính sau đây:

+ Tăng trưởng kinh tế với việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên: Quá trình tăng trưởng kinh tế phải quán triệt và đảm bảo sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tăng năng suất, hiệu quả sử dụng tài nguyên bằng cách kéo dài chuỗi giá trị của sản phẩm hàng hóa từ một nguồn tài nguyên ban đầu.

+ Tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường: (i) quá trình thực hiện các mục tiêu tăng trưởng phải hướng đến các phương án tăng trưởng thân thiện với môi trường, ít gây tổn hại, ô nhiễm môi trường; (ii) Phải có những biện pháp đồng bộ về chống ô nhiễm môi trường phát sinh trong quá trình sản xuất.

+ Tăng trưởng kinh tế gắn với điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu bao gồm: (i) quá trình tăng trưởng kinh tế phải hướng tới các ngành sản phẩm, các công nghệ sản xuất làm giảm nhẹ biến đổi khí hậu; (ii) Quá trình tăng trưởng kinh tế phải được điều chỉnh theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, nhằm giảm thiểu khả năng bị tổn thương và tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.

- *Các tiêu chí đánh giá:*

+ Tỷ lệ GDP xanh so với GDP thuần: GDP xanh là chỉ tiêu Liên hiệp quốc đề xuất từ năm 1993 và được hoàn thiện tiếp tục qua các năm 1994, 1998, 2000, 2003. GDP xanh là phần còn lại của GDP thuần (GDP trừ đi khấu hao) sau khi trừ đi các chi phí do tiêu dùng tài nguyên và mất mát về môi trường do các hoạt động kinh tế gây ra. Trong thực tế, nhiều nước trên thế giới đã nghiên cứu và tính toán GDP xanh. Ở Việt Nam, Tổng cục Thống kê đã nghiên cứu tính GDP xanh. Nếu khả năng tính GDP xanh thực hiện được thì đây là chỉ tiêu phản ánh tốt nhất mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường.

+ Chỉ số hiệu quả môi trường (EPI). Chỉ tiêu được Liên hiệp quốc đề xuất năm 2003, là tiêu chí tổng hợp được tính toán từ nhiều chỉ tiêu khác nhau, trong đó những chỉ tiêu quan trọng nhất là: Mức giảm tiêu hao năng lượng để sản xuất ra một đơn vị GDP; Tỷ lệ che phủ rừng; Tỷ lệ đất được bảo vệ, duy trì đa dạng sinh học; Diện tích đất bị thoái hóa; Mức giảm lượng nước ngầm, nước mặt; Tỷ lệ chất

**Bảng 3. Bộ tiêu chí đánh giá phát triển bền vững đề xuất**

STT	Tiêu chí	Giá trị cần đạt
A	<b>Tăng trưởng kinh tế bền vững</b>	
1	Tốc độ tăng trưởng GDP	Trên 6%
2	Thu nhập bình quân đầu người	5000-6000 USD
3	Cơ cấu ngành kinh tế theo GDP	Tỷ trọng nông nghiệp dưới 10% GDP
4	Đóng góp TFP vào tăng trưởng GDP	Trên 50%
5	Suất đầu tư tăng trưởng	Từ 4 đến cận 5
6	Tốc độ tăng trưởng năng suất lao động	Từ 5%/năm trở lên
7	Thâm hụt ngân sách so với GDP	Từ 4% trở xuống
8	Thâm hụt cán cân thương mại so với GDP	Từ 5% trở xuống
9	Nợ nước ngoài so với GDP	50% trở xuống
B	<b>Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy tiến bộ xã hội</b>	
10	Hệ số tăng trưởng vì con người	Luôn lớn hơn không
11	Hệ số tăng trưởng vì người nghèo	Luôn nhỏ hơn không
12	Hệ số GINI	0,4
13	Hệ số giãn cách thu nhập	0,8 – 0,85
14	Tiêu chuẩn 40	15- 17%
C	<b>Tăng trưởng gắn với sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu</b>	
15	Tỷ lệ GDP xanh so với GDP	Lớn hơn 95%
16	Chỉ số hiệu quả môi trường	Lớn hơn 0,55
17	Năng suất sử dụng tài nguyên	Tăng dần
18	Tỷ lệ phủ xanh rừng	Trên 50% đất tự nhiên
19	Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý	100%
20	Giảm mức phát thải khí nhà kính	Bình quân 1,5-2%/năm
21	Tỷ trọng năng lượng tái tạo	Trên 10%

Nguồn: Tổng hợp đề xuất của tác giả.

thải rắn thu gom đã xử lý đạt tiêu chuẩn... Như vậy, nếu GDP xanh phản ánh tổng hợp mối quan hệ giữa tăng trưởng với bảo vệ môi trường thì trong cấu thành EPI còn hàm chứa một số tiêu chí phản ánh sự gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với việc hướng tới giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Năng suất sử dụng tài nguyên: Chỉ tiêu này phản ánh lượng giá trị gia tăng GDP được tạo ra trên 1 đơn vị tài nguyên (đất, nước).

- Tỷ lệ phủ xanh rừng: Chỉ tiêu này phản ánh tỷ lệ diện tích cây xanh trong tổng diện tích tự nhiên.

- Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý so với tổng khối lượng chất thải rắn.

- Giảm mức phát thải khí nhà kính: Chỉ tiêu này

phản ánh sự gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế nhanh với mục tiêu giảm nhẹ biến đổi khí hậu. Chỉ tiêu này đã được đưa vào trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam thời gian qua với mục tiêu bình quân năm giảm 1,5-2%.

- Tỷ trọng năng lượng tái tạo: Chỉ tiêu này được xác định bằng tỷ lệ năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, thủy năng, năng lượng sóng biển...) trong tổng sản lượng năng lượng sản xuất ra hoặc trong tổng khối lượng năng lượng tiêu thụ của đất nước trong một năm.

Các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững được thể hiện qua bảng 3. □



## Tài liệu tham khảo

- Bùi Tất Thắng (2011), ‘Chiến lược tăng trưởng xanh và những thách thức đối với Việt Nam trong quá trình tái cơ cấu kinh tế’, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Chiến lược tăng trưởng xanh của Hàn Quốc và những gợi ý cho Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2011, trang 16-25.
- Nguyễn Hoàng Oanh (2012), ‘Tăng trưởng xanh – từ lý thuyết đến thực tế Việt Nam’, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 180, trang 3-10.
- Nguyễn Quang Thái, Ngô Thắng Lợi (2007), *Phát triển bền vững ở Việt Nam, thành tựu, cơ hội, thách thức và triển vọng*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ (2004), Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg, về *Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21)*, ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.
- Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 432/QĐ-TTg, *phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020*, ban hành ngày 12 tháng 4 năm 2012.
- United Nations (1992), *AGENDA 21, Conference on Environment & Development*, Rio de Janeiro, Brazil..

---

## Thông tin tác giả:

**\*Vũ Thành Hương**, Tiến sỹ

- *Tổ chức tác giả công tác: Viện Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Kinh tế quốc dân*

- *Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: Kinh tế phát triển, Chiến lược và Kế hoạch phát triển, Phát triển bền vững, Khu công nghiệp.*

- *Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Kinh tế và Phát triển, Kinh tế và Dự báo; Quản lý Kinh tế.*

- *Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: vthuongneu@gmail.com*